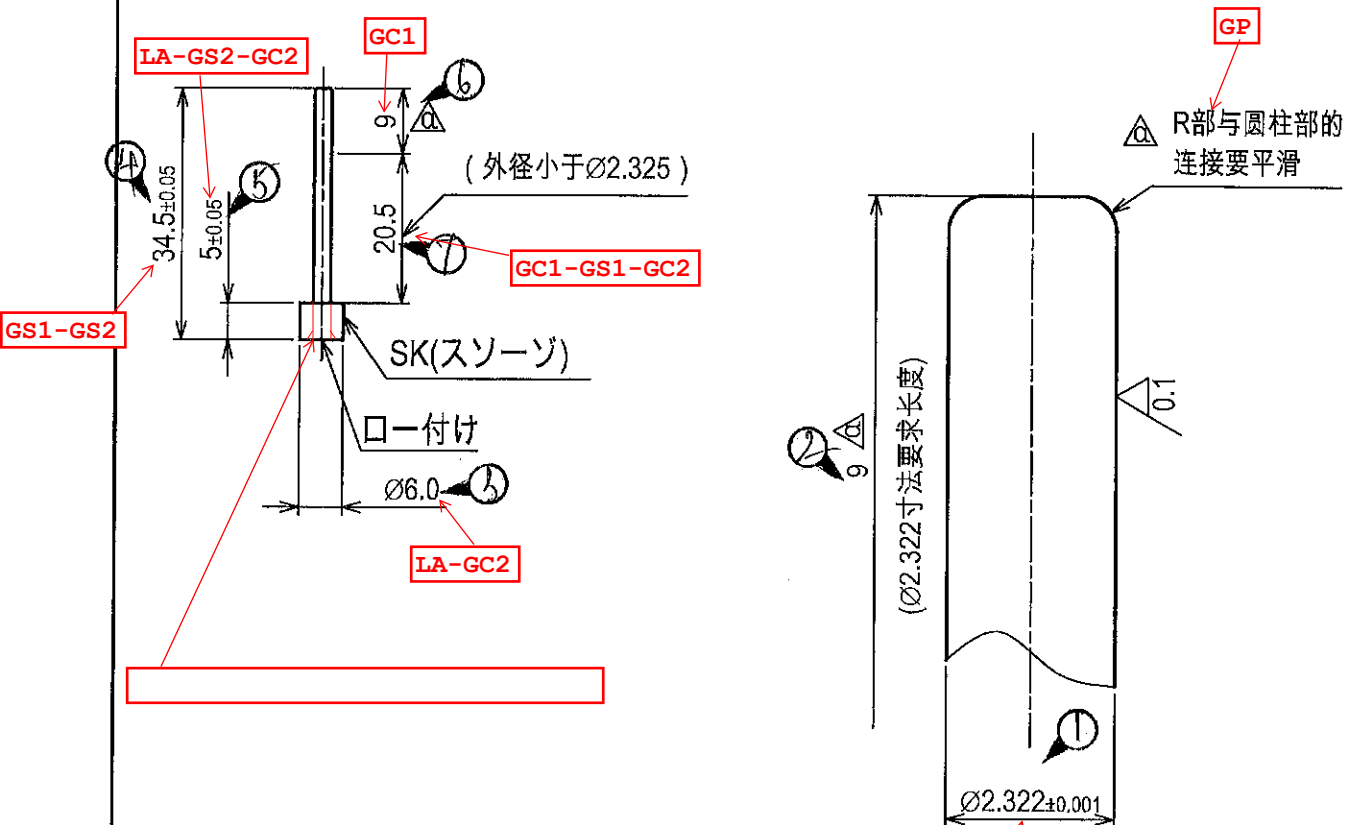


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2016/01/25	追加図面	VDM-XLB-1601-034	李萍	覃一帆	$0.5 \leq, \leq 6$	± 0.1
	2016/08/05	寸法変更	VDM-XLB-1607-031	Li_Ping	Liu_Yong_An	$6 <, \leq 30$	± 0.2
						$30 <, \leq 120$	± 0.3
						$120 <, \leq 400$	± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-k

FINISH MARKS

0.1 / 0.8



S CHUẨN

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Li_Ping	Liu_Yong_An	部品図		サイジングピン
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		SIZING PIN
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		整形銷
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
SK+WC	2016/01/28	1:1		S855966

SNO: **S855966**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30:Ø3.1*50 SKS2:Ø7*10	